TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; cư trú thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Trọng T, sinh năm 1992; cư trú tại thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị và anh Võ Trọng T kết hôn vào ngày 02 tháng 03 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa chị và anh T có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không có ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng của chị sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2024 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T hay uống rượu say xỉn rồi về nhà chửi mắng, đánh

đập cha, mẹ của chị; anh T không đi làm nuôi vợ, con. Nay chị nhận thấy chị và anh T không còn tình cảm gì với nhau, không thể nào tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Trọng T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có hai người con chung là cháu Võ Nguyễn Duy K, sinh ngày 27 tháng 08 năm 2015 và cháu Võ Phúc T1, sinh ngày 29 tháng 03 năm 2020. Nay chị yêu cầu giao con các chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay chị đang trực tiếp nuôi các con. Chị không yêu cầu anh Võ Trọng T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị. Chị xác định hiện nay vợ chồng của chị không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác.

Tại phiên toà bị đơn anh Võ Trọng T vắng mặt nhưng tại bản tự khai, biên bản hoà giải anh Võ Trọng T trình bày:

Anh xác định về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng anh như vợ của anh là chị Nguyễn Thị Thùy L đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng của anh sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh đi làm nhưng không có tiền để nuôi vợ con. Nay chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có hai người con chung là cháu Võ Nguyễn Duy K, sinh ngày 27 tháng 08 năm 2015 và cháu Võ Phúc T1, sinh ngày 29 tháng 03 năm 2020. Nếu ly hôn anh yêu cầu giao các con chung là cháu Võ Nguyễn Duy K và cháu Võ Phúc T1 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay chị Nguyễn Thị Thùy L đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Anh không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh. Hiện nay vợ chồng anh không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L, cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Võ Trọng T; giao con chung của chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T là cháu Võ Nguyễn Duy

K, sinh ngày 27 tháng 08 năm 2015 và cháu Võ Phúc T1, sinh ngày 29 tháng 03 năm 2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu anh Võ Trọng T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh Võ Trọng T cư trú tại thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Trọng T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Võ Trọng T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T kết hôn vào ngày 02 tháng 03 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015, quyển số 01/2015. Việc kết hôn giữa chị L và anh T tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu ly hôn với anh Võ Trọng T vì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2024 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T hay uống rượu say xỉn rồi về nhà chửi mắng, đánh đập cha mẹ của chị; anh T không đi làm nuôi vợ con. Anh T không đồng ý ly hôn với chị L vì cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng của anh sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh đi làm nhưng không có tiền để nuôi vợ, con chứ không có mâu thuẫn nào khác. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng chị L và anh T. Qua nhiều lần hoà giải, chị L vẫn yêu cầu ly hôn với anh T; anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh T không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắng tình cảm vợ chồng. Toà án đưa vụ án ra xét xử với mục đích tiếp tục hoà giải để hàn gắng tình cảm vợ chồng chị L, anh T nhưng anh T không tham gia tố tụng tại phiên toà mà đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho chị L được ly hôn với anh T.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn Duy K, sinh ngày 27 tháng 08 năm 2015 và cháu Võ Phúc T1, sinh ngày 29 tháng 03 năm 2020. Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T thống nhất giao các con chung cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu T1; cháu K có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu K và cháu T1, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu K và cháu T1 cho chị L trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu anh Võ Trọng T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L. Khi cần thiết chị L và anh T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L.

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn với anh Võ Trọng T.

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 02 tháng 03 năm 2015 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T là cháu Võ Nguyễn Duy K, sinh ngày 27 tháng 08 năm 2015 và cháu Võ Phúc T1, sinh ngày 29 tháng 03 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay chị Nguyễn Thị Thùy L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu T1.

3.2. Chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu anh Võ Trọng T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Anh Võ Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh Võ Trọng T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Thùy L. Khi cần thiết chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Võ Trọng T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thùy L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002795 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 05 tháng 12 năm 2024). Bị đơn anh Võ Trọng T vắng mặt tại phiên tòa có

quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh